

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST  
Ngày 29 – 9 – 2023  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Danh Kim Tuyền.

2. Ông Huỳnh Văn Lơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng N1. Địa chỉ: Số B, L, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hồ Bửu Á – Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã N. Địa chỉ: Số C, Đường M, Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Cỏ Thành C - Chủ hộ kinh doanh T2; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đoàn Thị Thúy H, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Cỏ Thành N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Anh Cỏ Thành Cui E, sinh năm 1990; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Anh Cổ Duy T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 16-6-2022, ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 vay vốn tại Ngân hàng N1, theo Hợp đồng tín dụng số 7609LAV202200814 ngày 16-6-2022. Thời hạn vay 12 tháng, số tiền vay 3.600.000.000 đồng, mục đích vay mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lúa. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 đã nhận nợ đến nay 04-4-2023, dư nợ gốc là 3.600.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 00 đồng, số lãi còn phải thanh toán là 229.084.932 đồng (trong đó lãi trong hạn 229.084.932 đồng, lãi quá hạn 00 đồng). Tổng cộng lãi và gốc phải thanh toán tạm tính đến ngày 04-4-2023 là 3.829.084.932 đồng.

Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 75/HĐTC ngày 16-6-2022, đã ký giữa Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã N với ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2, bà Đoàn Thị Thúy H là vợ của ông Cổ Thành C và các thành viên khác là Cổ Thành N, Đỗ Thị Bích T, Cổ Thành C, Cổ Duy T1. Số tiền 4.498.210.000 đồng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 39, diện tích 4.784,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 893263 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Cổ Thành C ngày 10-6-2022.

Do ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 đã không thực hiện đúng dòng tiền sử dụng vốn và trả nợ gốc, lãi không đúng theo phân kỳ của hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ trực tiếp làm việc để đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 không thực hiện đúng cam kết. Ngân hàng N1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu Tòa án buộc ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 trả nợ (gốc và lãi phát sinh) tại Hợp đồng tín dụng số 7609LAV202200814 ngày 16-6-2022 cho Ngân hàng N1. Cụ thể, tính đến ngày 04-4-2023: Dư nợ gốc là 3.600.000.000 đồng; nợ lãi là 229.084.932 đồng (lãi trong hạn 229.084.932 đồng, lãi quá hạn 0 đồng). Tổng cộng gốc, lãi nguyên đơn yêu cầu là 3.829.084.932 đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi phát sinh cho đến ngày trả tất nợ.

2. Trường hợp ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 không trả nợ, đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 75/HĐTC, ngày 16-6-2022 để Ngân hàng thu hồi nợ.

*Ý kiến của bị đơn ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Thúy H:*

Trước đây bà Đoàn Thị Thúy H và ông Cổ Thành C là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 06/2023/HNGĐ-ST ngày 14-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Năm 2022, ông Cổ Thành C có đại diện cho Hộ kinh doanh T2 ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng N1. Để bảo đảm nợ vay, bà Đoàn Thị Thúy H cùng với ông Cổ Thành C và các thành viên khác trong hộ kinh doanh có ký hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Cổ Thành C.

Nay Ngân hàng yêu cầu Hộ kinh doanh T2 trả nợ gốc và lãi, trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp nêu trên. Đối với khoản nợ mà Ngân hàng yêu cầu là của Hộ kinh doanh T2 do ông Cổ Thành C đại diện vay và sử dụng, bà H không nhận và cũng không biết số tiền vay này. Thời điểm thành lập Hộ kinh doanh T2 thì tôi đã về nhà mẹ ruột ở thị trấn P, huyện T nên không có tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh doanh hay liên quan gì đến vấn đề tài chính của Hộ kinh doanh T2.

Đối với tài sản thế chấp nêu trên thì bà H đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì bà H đồng ý cho Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cổ Thành N, Đỗ Thị Bích T, Cổ Thành C, Cổ Duy T1:* Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ đã được công bố công khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số nợ tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn phải thanh toán là 4.126.421.918 đồng. Trong đó nợ gốc 3.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 446.071.233 đồng, nợ lãi quá hạn 80.350.685 đồng.

- Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên đều là thương nhân có đăng ký kinh doanh, vì mục đích lợi nhuận. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng có thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật giải quyết về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: HĐXX xét thấy, giữa nguyên đơn Ngân hàng N1 với bị đơn Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 đã thỏa thuận và ký kết Hợp đồng tín dụng số 7609LAV202200814 ngày 16-6-2022. Các nội dung mà hai bên đã thỏa thuận đúng như nguyên đơn đã trình bày, cụ thể: Số tiền vay là 3.600.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức vay là 12 tháng. Lãi suất thỏa thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi cho phép điều chỉnh và trong quá trình thực hiện hợp đồng, mức lãi suất đã điều chỉnh 01 lần ở mức 12%/năm kể từ ngày 20-3-2023. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 5%/năm. Theo các báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ vào các ngày 17 và 20-6-2022, định kỳ trả nợ gốc ngày 15 và 19-5-2023, kỳ trả lãi 3 tháng/lần.

[4] Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên với các thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thể hiện qua các biên bản xử lý nợ ngày 10-9-2022, ngày 08-12-2022 giữa đại diện Ngân hàng và đại diện hộ vay. Do đó, ngày 18-01-2023, Ngân hàng N1 có thông báo nợ quá hạn đối với khoản nợ nêu trên gửi đến ông Cổ Thành C và tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ, phù hợp theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Tính đến thời điểm xét xử, bị đơn chưa thanh toán nợ gốc và chưa trả lãi kỳ nào cho nguyên đơn. Do đó, nợ gốc và lãi tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 4.126.421.918 đồng. Trong đó nợ gốc 3.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 446.071.233 đồng, nợ lãi quá hạn 80.350.685 đồng.

[6] Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh Thúy V cùng với bà Đoàn Thị Thúy H và các thành viên khác là Cổ Thành N, Đỗ Thị Bích T, Cổ Thành C, Cổ Duy T1 đã ký Hợp đồng thế chấp số 75/HĐTC, ngày 16-6-2022 để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 39, diện tích 4.784,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 893263 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Cổ Thành C ngày 10-6-2022.

[7] HĐXX xét thấy, hợp đồng thế chấp đã được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm ký thế chấp, bà Đoàn Thị Thúy H và ông Cổ Thành C có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà H đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn. Ông Cổ Thành C và các thành viên khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, kể cả kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ đều không có ý kiến gì, cũng không đưa ra phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 282, Điều 299, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1.

Buộc bị đơn ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 trả cho nguyên đơn Ngân hàng N1 số tiền 4.126.421.918 đồng. Trong đó nợ gốc 3.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 446.071.233 đồng, nợ lãi quá hạn 80.350.685 đồng.

Kể từ ngày 30-9-2023 cho đến khi ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N1, thì hàng tháng ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 phải chịu tiền lãi trong hạn và các khoản lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 7609LAV202200814 ngày 16-6-2022.

Trường hợp ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ, Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm có: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 39, diện tích 4.784,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 893263 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Cổ Thành C ngày 10-6-2022.

Ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Thúy H, Cổ Thành N, Đỗ Thị Bích T, Cổ Thành C, Cổ Duy T1 cùng có nghĩa vụ liên đới giao tài sản thế chấp nêu trên để cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

## 2. Án phí sơ thẩm:

- Bị đơn ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 112.126.422 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí 54.290.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009262 ngày 31-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

## 3. Chi phí tố tụng khác:

Bị đơn ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng. Do Ngân hàng N1 đã nộp tạm ứng trước nên ông Cổ Thành C – Chủ hộ kinh doanh T2 có trách nhiệm trả số tiền 900.000 đồng cho Ngân hàng N1.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Lâm**